

Bản án số: **02/2020/HSST**
Ngày **14/01/2020**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Bắc** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thủy - KSV.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 218/2019/HSST ngày 18/11/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2019/HSST-QĐ ngày 18/11/2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/HSST-QĐHPT ngày 29/11/2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2019/HSST-QĐHPT ngày 23/12/2019; theo thông báo thời gian mở lại phiên tòa của Tòa án nhân dân thành phố H đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Hữu T, sinh năm 1983; Giới tính: Nam. Nơi Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn An L, xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Đoàn Hữu D1, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1955. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1983. Có 03 con: Con lớn sinh năm 2006, con thứ 2 sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền sự: Chưa. Tiền án: Bản án HSST số 26/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam S, Hải Dương xử phạt 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2019, chuyển tạm giam từ ngày 24/9/2019 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay.

2. Họ và tên: Vũ Quốc C, sinh năm 1994; Giới tính: Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Hữu Ch, xã Tân Ph, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Số 691 Lê Thanh N, P.Hải T, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Vũ Tiến Th, sinh năm 1958 và bà Đồng Thị Nh, sinh năm 1962. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là Bùi Thị N, sinh năm 1994. Có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2019

đến ngày 20/9/2019, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố H.

3. Họ và tên: Trần Đức C1, sinh năm 1991; Giới tính: Nam. Nơi Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 4A ngõ 1, phố Trần Ph, P.Hải T, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Đức H (đã chết) và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1970; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Hồ Ngọc Q, sinh năm 1991. Có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/09/2019 đến ngày 20/09/2019, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố H.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn D, sinh năm 1980; Giới tính: Nam. Nơi Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn Nguyễn T, xã Vũ , TP.Thái B, tỉnh Thái B; Chỗ ở: Số 565 Lê Thanh N, P.Lê Thanh N, TP.Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Con ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1954 (Là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh hạng 4/4) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1954. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Trần Thị H3, sinh năm 1984; có 02 con lớn sinh 2004, nhỏ sinh 2009. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2019 đến ngày 20/9/2019; hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố H.

5. Họ và tên: Vũ Thị Ph, sinh năm 1979; Giới tính: Nữ. Nơi Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 668 Lê Thanh N, P.Lê Thanh N, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 5/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Đình Th, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1955. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Có chồng là Nguyễn Văn H4, sinh năm 1984; Có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con thứ 2 sinh 2005, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/09/2019 đến ngày 20/09/2019; hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố H.

6. Họ và tên: Nguyễn Quang B, sinh năm 1973; Giới tính: Nam. Nơi Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 33 Mạc Đĩnh C, P.Lê Thanh N, Thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Nguyễn Quang C3 (đã chết), con bà Phạm Thị M, sinh năm 1935 (già yếu). Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; có vợ là Mai Thanh V, sinh năm 1974; Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/6/2015 bị Công an phường Lê Thanh N xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, số tiền phạt 1.500.000đ (đã nộp); hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố H.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Quốc C, Vũ Thị Ph, Trần Đức C1, Đoàn Hữu T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Quang B là bạn quen biết nhau từ trước. Khoảng 16h00phút ngày 18/9/2019 khi C1 đang ở nhà tại số 691 Lê Thanh N, P.Hải T, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương (là nhà C1 thuê của anh Lê Văn H5, trú tại: Tranh Đ, Gia X, Gia L, Hải Dương để mở quán cắt tóc) thì có Đức C1, T, B, Ph, D đến chơi; khi đang ngồi chơi uống nước cả nhóm nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa và rủ nhau lên phòng ngủ tầng 2 của quán để đánh bạc. Quốc C lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ có sẵn trong bếp, B lấy 04 quân vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba có sẵn trong túi quần đang mặc trên người. Quá trình chơi T là người cầm cái. Hình thức chơi: Người cầm cái cho 04 quân vị bài vào trong đĩa sứ rồi úp bát xóc lên một vài cái rồi đặt xuống chiếu, những người chơi đặt cửa chặn hoặc lẻ, khi người cầm cái mở bát ra, bên trong đĩa sứ các quân vị bài thuộc cửa chặn (4 vàng, 4 trắng hoặc 2 vàng, 2 trắng) thì người đặt cửa chặn thắng, người đặt cửa lẻ (3 vàng, 1 trắng hoặc 1 vàng, 3 trắng) bị thua và ngược lại. Mức đặt thấp nhất là 50.000đ, không quy định mức tối đa. Người cầm cái sẽ trả cho người thắng số tiền bằng số tiền đã đặt cửa trước đó và người cầm cái được hưởng số tiền của người thua. B chơi được hai ván thì đi về; Quốc C, Đức C1, T, Ph và D ngồi đánh bạc đến khoảng 18h00phút cùng ngày thì bị Phòng CSHS Công an tỉnh Hải Dương kết hợp với Công an P.Hải T phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: Tại dưới chiếu 8.200.000đ, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng, 04 quân vị bài bằng giấy hình tròn, một mặt trắng, 1 mặt màu vàng; thu giữ trong túi quần của Quốc C 640.000đ, T 700.000đ, D 2.170.000đ, Ph 1.600.000đ (các bị can đều xác định sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc).

Quá trình điều tra đã làm rõ số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc như sau: Ph sử dụng 2.000.000đ khi bị bắt còn 1.600.000đ; T có 2.140.000đ, khi bị bắt còn 700.000đ; Quốc C có 4.000.000đ, khi bị bắt còn 640.000đ; D có 2.170.000đ, khi bị bắt còn 2.170.000đ; Đức C1 có 3.000.000đ, khi bị bắt không còn đồng nào, B sử dụng 100.000đ để đánh bạc.

Vật chứng: Đối với 01 chiếc đĩa sứ màu trắng đường kính 15,5cm (đã qua sử dụng), 01 chiếc bát sứ màu trắng đường kính miệng rộng 11cm, 04 quân vị bài

bằng giấy hình tròn đường kính (mỗi quân) 2cm đang được quản lý tại kho vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H; Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 13.850.000đ thu giữ trên chiếu bạc và treb người các bị cáo, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã gửi vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hải Dương để chờ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến hay khiếu nại gì. Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng nêu, xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo là hoàn T đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại bản cáo trạng số 216/CT-VKSTPHD ngày 16/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Vũ Quốc C, Đoàn Hữu T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C1, Vũ Thị Ph, Nguyễn Quang B về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự (được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận T bộ hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra. Xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng nêu là đúng, các bị cáo không thắc mắc gì về nội dung của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph, Nguyễn Quang B phạm tội "Đánh bạc".

- Hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Hữu T.

Xử phạt Đoàn Hữu T từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 18/9/2019).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Quốc C;

Xử phạt bị cáo Vũ Quốc C từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quốc C cho Ủy ban nhân dân xã Tân P, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Quốc C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019; Trong thời gian thử thách, người được

hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đức C1;

Xử phạt bị cáo Trần Đức C1 từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày, thời hạn tính từ ngày UBND phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành. Giao bị cáo cho UBND phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph, Nguyễn Quang B; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D;

Xử phạt tiền hình phạt chính bị cáo Nguyễn Văn D từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt tiền hình phạt chính bị cáo Vũ Thị Ph từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt tiền hình phạt chính bị cáo Nguyễn Quang B từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ nộp Ngân sách Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Phạt tiền các bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Trần Đức C1, mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ, 01 (một) chiếc đĩa sứ, 04 quân vị bài bằng giấy hình tròn.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.850.000đ (*Mười ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

+ Truy thu số tiền 100.000đ của bị cáo B sung quỹ Nhà nước;

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo T, Quốc C, Đức C1, D, Ph và B.

Các bị cáo không có ý kiến gì và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Nguyễn Văn D, Trần Đức C1, Vũ Thị Ph, Nguyễn Quang B đều xác định rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Lời khai của các bị cáo đã khai nhận hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa (BL số 118 -211) phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (BL số 76-77, 83-93) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 00phút ngày 18/9/2019, tại số nhà 691 Lê Thanh N, phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Đoàn Hữu T cùng với Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph và Nguyễn Quang B đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. Đến khoảng 18h00phút cùng ngày, thì bị Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết hợp với Công an P.Hải T phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.950.000đồng (*mười ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền với tổng số tiền nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố H. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, ham chơi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo qui định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc Tòa án đưa các bị cáo ra xét xử nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội nên cần thiết xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét vai trò từng bị cáo trong vụ án: Xét đây là vụ án đồng phạm có đồng người tham gia nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều bột phát

tham gia đánh bạc, không có sự chuẩn bị, câu kết tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo, đều là đồng phạm với vai trò thực hành. Trong vụ án này tất cả các bị cáo đều tham gia đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh được ai là người đề xuất, rủ rê, lôi kéo, ai là người chuẩn bị công cụ Ph tiện phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ lượng tiền dùng vào việc đánh bạc của từng bị cáo để phân hóa vai trò, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Đối với bị cáo Đoàn Hữu T là người cầm cái, quá trình đánh bạc thể hiện tích cực, thực hiện hành vi đánh bạc tích cực từ đầu đến khi bị bắt. Do vậy, cần đánh giá vai trò của bị cáo là người đứng thứ đầu trong vụ án. Sau bị cáo T là bị cáo Vũ Quốc C tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, sử dụng số tiền vào việc đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác nên xác định bị cáo giữ vai trò thứ hai. Tiếp đến là bị cáo Trần Đức C1 cũng đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt nhưng sử dụng số tiền vào việc đánh bạc ít hơn bị cáo Quốc C nên giữ vai trò thứ 3 của vụ án. Bị cáo D và bị cáo Ph sử dụng số tiền ngang nhau, ít hơn vào việc đánh bạc so với bị cáo Đức C1 nên xác định 2 bị cáo này có vai trò ngang nhau và đứng thứ 4 trong vụ án. Đối với bị cáo B sử dụng số tiền ít nhất (100.000đ) vào việc đánh bạc và tham gia 2 ván, hòa sau đó bỏ về nên bị cáo đứng vai trò sau cùng của vụ án.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Đoàn Hữu T đã bị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử tại bản án số 26/HSST ngày 12/6/2018 phạt 07 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà ngượng quen lối cũ, nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cùng loại tội, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS được qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph và Nguyễn Quang B đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo D có bố đẻ là thương binh và bị nhiễm chất độc hóa học nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét áp dụng cho

các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt chính: Đối với bị cáo T là người giữ vai trò đầu vụ án, bị cáo có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. HĐXX xét thấy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tù có thời hạn cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Các bị cáo Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph và Nguyễn Quang B là những người đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa thể hiện ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện nên không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xử mức án tù, mà cho các bị cáo được hưởng các mức án có điều kiện dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình nơi các bị cáo cư trú hoặc hình phạt khác nhẹ hơn cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Quốc C, Đức C1 để tăng cường tính giáo dục và bổ trợ cho hình phạt chính.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 13.850.000đ đã chứng minh được do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; số tiền 100.000đ bị cáo B sử dụng đánh bạc chưa thu được nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) chiếc bát sứ, 01 (một) chiếc đĩa sứ, 04 quân vị bài bằng giấy hình tròn là Ph tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Những vấn đề khác: Đối với việc anh Lê Văn H1 là người cho Quốc C thuê nhà để mở hàng cắt tóc, không biết C sử dụng vào việc đánh bạc trái phép nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[8] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H; Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Hữu T;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Quốc C;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đức C1;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph, Nguyễn Quang B; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo T, Quốc C, Đức C1, D, Ph và B.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph và Nguyễn Quang B phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Đoàn Hữu T 12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 18/9/2019.

Xử phạt bị cáo **Vũ Quốc C 10** (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quốc C cho Ủy ban nhân dân xã Tân P, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Quốc C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019; Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo **Trần Đức C1 15** (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày, thời hạn tính từ ngày UBND phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành. Giao bị cáo cho UBND phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt tiền hình phạt chính bị cáo **Nguyễn Văn D** 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt tiền hình phạt chính bị cáo **Vũ Thị Ph** 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt tiền hình phạt chính bị cáo **Nguyễn Quang B** 22.000.000đ (*Hai mươi hai triệu đồng chẵn*) nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Trần Đức C1, mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng chẵn*) sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.850.000đ (*Mười ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) được thể hiện như sau:

+ 01(một) phong bì niêm phong số 2146A, bên trong có số tiền 8.200.000đ, có chữ ký của những người liên quan, dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Hải Dương;

+ 01(một) phong bì niêm phong 2146B, bên trong có số tiền 1.600.000đ, có chữ ký của bị can Vũ Thị Ph, dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Hải Dương;

+ 01(một) phong bì niêm phong 2146C, bên trong có số tiền 2.710.000đ, có chữ ký bị can Nguyễn Văn D, dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Hải Dương;

+ 01(một) phong bì niêm phong 2146D, bên trong có số tiền 640.000đ, có chữ ký của bị can Vũ Quốc C, dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Hải Dương;

+ 01(một) phong bì niêm phong 2146E, bên trong có số tiền 700.000đ, có chữ ký của bị can Đoàn Hữu T, dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Hải Dương.

- Truy thu số tiền 100.000đ của bị cáo Nguyễn Quang B sung quỹ Nhà nước;

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng đường kính miệng 11 cm; 01 (một) chiếc đĩa sứ, đường kính 15,5cm, trên vành đĩa có 2 vết mẻ, bong tróc men bên ngoài; 04 quân vị bài bằng giấy hình tròn, mỗi quân vị có hai mặt trắng, vàng, đường kính 2cm. *(Tất cả vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi Cục thi hành án dân sự thành phố H).*

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph và Nguyễn Quang B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đoàn Hữu T, Vũ Quốc C, Trần Đức C1, Nguyễn Văn D, Vũ Thị Ph và Nguyễn Quang B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 14/01/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố H;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an Thành phố H;
- Cơ quan THAHS- Công an Thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Thị Tố Uyên